TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 6 – 2026
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Hội
Ông Nguyễn Minh Mẫn

Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Hà Tiên - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1709/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Ngọc T, sinh ngày 01/01/1990. Số CCCD: 096190018588. Địa chỉ cư trú: Số G, Trần Văn P, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí D, sinh ngày 27/10/1986. Số CCCD: 096086017213. Địa chỉ cư trú: Số D, Rạch R, khóm A, phường L, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Đào Ngọc T trình bày và xác định yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Chí D kết hôn với nhau vào ngày 14/8/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2012, Quyển số 02/2012). Quá trình chung sống vợ chồng khi sống chung làm dâu với gia đình bên chồng thì giữa chị với gia đình bên chồng có những mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, tuy nhiên chị không tìm được sự chia sẽ, đồng cảm, quan tâm từ anh D, từ đó tích tụ trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, chị cũng đã ra ngoài ở không còn sống chung bên chồng hơn 07 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Chí D.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 05/02/2013 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/01/2020. Hiện hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/con (hai con là 10.000.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có các tài sản chung:

+ Quyền sử dụng đất tại ấp X, xã L, Tp . thửa đất số 49, tờ bản đồ 42, diện tích 50m^2 do vợ chồng đứng tên. Hiện anh D là người quản lý. Giá trị phần đất khoảng 300.000.000 đồng.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển số kiểm soát 69A-047.17 đứng tên Đào Ngọc T, giá trị xe khoảng 250.000.000 đồng. Hiện xe anh D đang quản lý.

Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu giao xe cho anh D quản lý, anh D giao phần đất cho chị quản lý, chị và anh D người không quản lý tài sản có nghĩa vụ giao lại ½ giá trị cho người còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung chị xác định tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Chí D trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây có phát sinh mâu thuẫn xung quanh những vấn đề sinh hoạt gia đình. Chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn được hòa giải đoàn tụ vợ chồng, anh sẽ có phương thức để giải quyết mâu thuẫn trong trường hợp nếu vợ chồng không sống chung cùng gia đình anh thì anh có thể cất nhà trên phần đất của vợ chồng để vợ chồng sống riêng. Tại phiên tòa, anh D xác định do chị T cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 05/02/2013 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/01/2020. Hiện hai con đang sống cùng chị T. Tại phiên tòa, anh cũng thống nhất giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/con (hai con là 10.000.000 đồng) đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T và anh D xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2012, Q số 02/2012 - nay là UBND phường T, tỉnh Cà Mau) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn

nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Quá trình chung sống, chị T và anh D xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong đời sống vợ chồng cả hai không chia sẽ, đồng cảm được với nhau. Chị T trình bày tình trạng đã kéo dài nhiều năm nên chị xác định không thể sống chung được nữa với anh D. Đối với anh D xác định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng do chị T cương quyết ly hôn nên anh cũng thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh chị cũng đã ly thân không sống chung hơn 7 tháng nay, anh D mặc dù xác định còn tình cảm và muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng giữa anh chị không tìm được phương thức để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ đó nhận thấy hôn nhân anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 05/02/2013 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/01/2020. Hiện hai con đang sống cùng với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng/con (hai con là 10.000.000 đồng). Tại phiên tòa, anh D đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị T mỗi tháng là 5.000.000 đồng/con (hai con là 10.000.000 đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sự thống nhất thỏa thuận này của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Anh D1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh D1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh D1 khai không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật. Anh Dũng phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Ngọc T xin ly hôn với anh

Nguyễn Chí D.

2/ Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 05/02/2013 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/01/2020 cho chị Đào Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Chí D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng/con (hai con là 10.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V, cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Anh D1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đào Ngọc T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 15/4/2026 chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.175.000 đồng theo lai thu số 0004491 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ, chị T được nhận lại số tiền 6.875.000 đồng.

Áp phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Chí D phải chịu là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy N1